

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HS-ST
Ngày 29-11-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Lao Cang.

2. Ông Đinh Mai Sao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lương Thành Long, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2018/HSST ngày 16 tháng 11 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018, đối với bị cáo:

Sa Văn H; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27/6/1997 tại huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản C, xã P, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Sa Văn B và bà Đinh Thị M; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 19/5/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 31/10/2017, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/9/2015 Chủ tịch UBND xã P ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã với thời gian 03 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản; ngày 17/10/2015 bị Công an xã P, huyện Bắc Yên xử phạt vi phạm hành chính về an ninh trật tự (Trộm cắp tài sản). Các xử lý vi phạm hành chính đó đã được xóa; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 15/9/2018 đến nay. Có mặt.

Bị hại: Chị Đinh Thị T; sinh năm 1994; Nơi cư trú: Bản C, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vũ Tiên D; Sinh năm 1980; Địa chỉ: T2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Anh Đinh Mạnh T; Sinh năm 1961; Địa chỉ: Bản C, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 15/9/2018, Sa Văn H đi bộ một mình từ nhà ở bản C xã P đến nhà chị Đinh Thị T ở cùng bản, cách nhà H khoảng 20m để lấy bao thóc mà gia đình H gửi ở nhà T từ trước. Do không có bố mẹ H đi cùng nên chị T không cho lấy nên H đi về. Khi đi về ngang qua chuồng ngan của gia đình chị T, H thấy trong chuồng có 02 con ngan lông màu đen, trắng nên nảy sinh ý định trộm cắp 02 con ngan này bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi thấy chị T bế con nhỏ đi ra khỏi nhà, H đi bộ sang nhà chị T, đến chuồng ngan bắt trộm 02 con ngan mang về nhà. Đến nhà, H lấy chiếc xe máy của gia đình Biển kiểm soát: 26E2-7081 mang 02 con ngan đến bán cho anh Vũ Tiến D được 120.000 đồng. Sau khi bán ngan, H mua xăng xe máy hết 30.000 đồng, đánh chìa khóa xe máy hết 20.000 đồng và thay mặt nạ trước xe máy tại quán của anh Đinh Mạnh T hết 30.000 đồng. Còn lại 40.000 đồng H chưa kịp chi tiêu thì bị bắt giữ.

Vật chứng thu giữ: 02 con ngan, loại ngan mái, mỗi con có trọng lượng 01kg, lông màu đen trắng, lông cánh hai bên bị cắt ngắn, thu giữ của anh Vũ Tiến D; 40.000 đồng thu giữ của Sa Văn H; 30.000 đồng thu giữ của anh Đinh Văn T; 01 mảnh nhựa màu nâu (mặt nạ trước của xe Dream) dài 20cm, rộng 12cm do chị Đinh Thị M (là mẹ đẻ của Sa Văn H) giao nộp.

Tại kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 19/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận 02 con ngan, trọng lượng 01kg/con, loại ngan mái, màu lông trắng đen, lông hai bên cánh bị chặt ngắn có giá trị là 160.000 đồng.

Tại phiên tòa công khai bị cáo Sa Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS-BY ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Sa Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1, Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Sa Văn H mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại cho chị Đinh Thị T 02 con ngan. Chấp nhận anh Vũ Tiến D không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 120.000 đồng. Chấp nhận anh Đinh Mạnh T không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 30.000 đồng. Về vật chứng vụ án, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1; điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 70.000 đồng. Đề nghị truy thu, tịch thu sung công quỹ 50.000 đồng. Đề nghị tịch thu sung công quỹ 01 mảnh nhựa màu nâu mới (mặt nạ trước của xe Dream). Đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo Sa Văn H tự bào chữa: bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại biên bản ghi lời khai bị hại chị Đinh Thị T trình bày: Tôi đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Vũ Tiến D, anh Đinh Mạnh T trình bày: Không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, bồi hoàn.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa bị hại, đương sự vắng mặt, việc vắng mặt không gây trở ngại. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Sa Văn H có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 15/9/2018, sau khi nhìn thấy trong chuồng ngan của chị Đinh Thị T có 02 con ngan, lợi dụng khi chị Đinh Thị T không ở nhà, bị cáo H đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 02 con ngan để bán cho anh Vũ Tiến D được số tiền 120.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

Tại kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 19/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận 02 con ngan, trọng lượng 01kg/con, loại ngan mái, màu lông trắng đen, lông hai bên cánh bị chặt ngắn có giá trị là 160.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, năm 2016, năm 2017 bị cáo đã bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo mới ra trại ngày 12/7/2018 chưa được xóa án lại tiếp tục chiếm đoạt tài sản, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của chị Đinh Thị T, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận Hành vi trên của bị cáo Sa Văn H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Việc xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án.

Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo chiếm đoạt tài sản giá trị không lớn thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo có mức hình phạt quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015: “phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (bị cáo đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng đó đều là tình tiết định tội nên không được coi là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo). Bị cáo Sa Văn H có nhân thân xấu: Ngày 25/9/2015 Chủ tịch UBND xã P ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã với thời gian 03 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản; ngày 17/10/2015 bị Công an xã P, huyện B xử phạt vi phạm hành chính về an ninh trật tự (Trộm cắp tài sản). Về tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở sâu, vùng xa, nhận thức và am hiểu pháp luật có phần hạn chế. Tài sản bị cáo chiếm đoạt giá trị không lớn, đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên bị cáo Sa Văn H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ sự phân tích trên, xét thấy bị cáo Sa Văn H đã nhiều lần đi cải tạo trong trại cải tạo nhưng vẫn không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[4] Bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập thấp, đang sống chung với bố mẹ, không có tài sản riêng có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với 02 con ngan, trọng lượng 01kg/con loại ngan mái, màu lông trắng đen, lông cánh hai bên bị chặt ngắn qua điều tra xác minh xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Đinh Thị T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 120.000 đồng bị cáo bán ngan cho anh D bị cáo đã đi mua xăng, đánh chìa khóa hết 50.000 đồng, bị cáo nộp lại 40.000 đồng và cơ quan điều tra thu của anh Đinh Mạnh T 30.000 đồng là số tiền bị cáo sử dụng trong số tiền bán ngan để mua mặt nạ trước xe máy. Anh D, anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn số tiền này, đây là số tiền bị cáo được lợi do phạm tội mà có nên cần truy thu, tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với mảnh nhựa màu nâu (mặt nạ trước của xe máy Dream) dài 20cm, rộng trung bình 12cm là của anh Đinh Mạnh T đã bán cho bị cáo Sa Văn H lấy 30.000 đồng, giá trị không lớn, anh T không yêu cầu lấy lại và không yêu cầu bị cáo bồi hoàn cần tịch thu tiêu hủy.

Cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1; điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với bị hại Đinh Thị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì cần được ghi nhận; Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Tiến D và anh Đinh Văn T không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền mua bán tài sản. Xét các ý kiến trên là hoàn toàn tự nguyện nên vấn đề bồi thường, bồi hoàn không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Đối với Vũ Tiến D là người mua hai con ngan với bị cáo Sa Văn H. Tuy nhiên, khi mua D hoàn toàn không biết hai con ngan là do bị cáo trộm cắp mà có và chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 26E2-7081 bị cáo sử dụng để mang ngan đi bán. Qua điều tra xác định là xe của ông Sa Văn B bỏ để bị cáo H, việc bị cáo sử dụng xe ông B hoàn toàn không biết. Do vậy cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

[9] Về án phí: Theo quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thì bị cáo Sa Văn H là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã P là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Sa Văn H phạm Tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Sa Văn H 12 tháng (mười hai tháng) tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thụ hình tính từ ngày 15/9/2018 là ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Sa Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại chị Đinh Thị T đã được cơ quan điều tra trả lại cho hai con ngan bị bị cáo chiếm đoạt. Chị T không yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1; điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 70.000 đồng (bảy mươi ngàn đồng)

Truy thu, tịch thu sung công quỹ Nhà nước 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) của bị cáo Sa Văn H.

Tịch thu tiêu hủy 01 mảnh nhựa màu nâu (mặt nạ trước của xe Dream) dài 20cm, rộng trung bình 12cm.

Về Án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho bị cáo Sa Văn H.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao gửi bản án theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Văn Tùng